

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 833/2020/ HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2020
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Bửu Long.

2. Bà Cao Thị Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 738/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Minh T, cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, cư trú tại: Thôn L, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T vào ngày 25-6-2018. Sau khi cưới, vợ chồng anh về sống với cha mẹ anh ở P được khoảng 04 tháng. Trong thời gian anh đi làm xa, chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ở luôn cho đến nay mà không rõ nguyên nhân. Gia đình anh có sang thưa chuyện gọi chị H về nhưng chị H không

muốn sống chung với anh nữa. Từ đó đến nay, vợ chồng anh không còn liên lạc với nhau. Nay vợ chồng không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau nên anh yêu cầu giải quyết ly hôn. Con chung không có. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 20 tháng 8 năm 2020, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như anh T trình bày. Trong thời gian chung sống tại gia đình chồng, chị thường xuyên bị xem thường, ngược đãi. Chị đã về gia đình chị sống từ tháng 5-2019 đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Con chung không có. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu của anh T xin ly hôn chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Cho nên, theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T vào ngày 25-6-2018, không vi phạm điều kiện kết hôn, cho nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh T, gia đình anh T và chị H nảy sinh nhiều mâu thuẫn; anh T và chị H đã sống ly thân từ tháng 5-2019 đến nay. Anh T yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý ly hôn. Cho nên, theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận cho anh T và chị H được ly hôn.

[4] Về con chung không có; về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Minh T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000612 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND xã P, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh